TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp TL, xã ĐC, huyện BTU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Trọng L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 139/2, tổ 4, khu phố KV, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc Q và ông Phạm Trọng L chung sống với nhau vào năm 2013 và đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) KB, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyển số 01/2012 ngày 12/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm đến khoảng đầu năm

2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, ông L không chăm lo cho gia đình và không quan tâm đến con cái, tính tình vợ chồng không hợp nhau, ai cũng có cái tôi lớn, luôn cho mình đúng, người kia sai nên không có sự tôn trọng lẫn nhau. Do đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả và không còn sống chung từ đầu năm 2018 đến nay. Bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Q và ông L có 01 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 16/11/2014. Khi ly hôn, bà Lê Ngọc Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Q không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Trọng L đã được đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Trọng L không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường KB, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà Q và ông L thì chính quyền địa phương không rõ. Tuy nhiên, hiện tại bà Q và ông L không còn chung sống cùng nhau, bà Q đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp TL, xã ĐC, huyện BTU, tỉnh Bình Dương sinh sống.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện viện Kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Bà Lê Ngọc Q và ông Phạm Trọng L chung sống với nhau vào năm2013 và đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Khánh Bình, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyển số 01/2012 ngày 12/02/2014, là hôn nhân hợp pháp. Bà Q xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn giữa bà Q và ông L trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà Q yêu cầu ly hôn với ông là có căn cứ. Về con chung, bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 16/11/2014 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện

tại, con chung Phạm Minh K đang sống chung với bà Q, bà Q đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc các con chung đảm bảo nên bà Q yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Phạm Trọng L vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn bà Lê Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Phạm Trọng L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc Q và ông Phạm Trọng L chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Khánh Bình, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2014, quyển số 01/2014 ngày 12/02/2014, là hôn nhân hợp pháp. Bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án cho thấy ông L không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại địa phương, ông L và bà Q không còn sống chung. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Q và ông L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 16/11/2014. Xét thấy, con chung Phạm Minh K hiện đang sống cùng bà Q, bà Q đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung. Do vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Q.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ngọc Q phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc Q được ly hôn với ông Phạm Trọng L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 16/11/2014 cho bà Lê Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Ngọc Q và ông Phạm Trọng L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ngọc Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013871 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết